TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày 29-10-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Bà Đồng Thị Thường

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc: " Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST–DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; địa chỉ trụ sở: Số L, phường L, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Phạm Ngọc H; Cán bộ xử lý nợ, Ngân hàng TMCP V (Văn bản ủy quyền số 2672/2019/UQ- VPB ngày 26 tháng 02 năm 2019); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị T; địa chỉ: Thôn , xã B, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông Phạm Ngọc Hiếu trình bày:

Ngày 19 tháng 5 năm 2017, Ngân hàng và bà Vũ Thị T có ký Hợp đồng tín dụng số LN1705250062857 (mã số giải ngân Hợp đồng tín dụng số LD1715001336 ngày 30 tháng 5 năm 2017) bao gồm Giấy đăng kí vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử, bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử, văn bản xác nhận; xác nhận chấp thuận cho vay cũng là một bộ phận không tách rời của Giấy đăng kí vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số LN1705250062857). Về việc Ngân hàng cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); mục đích vay mua sắm đồ gia dụng, thời hạn vay 48 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 35 %/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01 tháng 10 năm 2017, phạt chậm trả lãi là: 10%/ năm. Cụ thể số tiền bà T phải trả hàng tháng (mỗi kì) trung bình là 1.937.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Vũ Thị T mới trả được 3 kì thì vi phạm không thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng dẫn đến khoản nợ quá hạn kể từ ngày 15 tháng 08 năm 2017. Tính đến hết ngày 29 tháng 10 năm 2019 bà Vũ Thị T mới trả nợ được cho Ngân hàng tổng số tiền là: 6.717.069 đồng trong đó gốc đã trả là: 1.672.527 đồng, lãi đã trả là: 5.044.542 đồng. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Vũ Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29 tháng10 năm 2019 là: 110.092.534đồng**;** trong đó nợ gốc là: 48.327473đồng và nợ lãi là: 55.318.512đồng; lãi chậm trả 6.446.550đồng. Bà Vũ Thị T phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký cho đến khi bà Vũ Thị T thanh toán hết nợ.

Đối với bà Vũ Thị T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà T đến Tòa án trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, không có quan điểm trình bày gửi Tòa án trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Vũ Thị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 14 Điều 4, các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Vũ Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29 tháng 10 năm 2019 là 110.092.534đồng; trong đó nợ gốc 48.327473đồng và nợ lãi 55.318.512đồng; lãi chậm trả 6.446.550đồng. Bà Vũ Thị T phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký cho đến khi bà Vũ Thị T thanh toán hết nợ. Bà Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng tống đạt, niêm yết các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà Vũ Thị T nhưng tại phiên tòa lần hai bà T tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Vũ Thị T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án dân sự: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" giữa Ngân hàng TMCP V và bà Vũ Thị T cư trú tại thôn, xã B, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hợp đồng tín dụng số LN1705250062857 ngày 19 tháng 5 năm 2017 (mã số giải ngân Hợp đồng tín dụng số LD1715001336 ngày 30 tháng 5 năm 2017) bao gồm Giấy đăng kí vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử, bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử, văn bản xác nhận, xác nhận chấp thuận cho vay cũng là một bộ phận không tách rời của Giấy đăng kí vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử. Về việc Ngân hàng cho bà T vay số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng); mục đích vay mua sắm đồ gia dụng, thời hạn vay: 48 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 35 %/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, phạt chậm trả lãi là: 10%/ năm đã được hai bên thống nhất thoả thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung Hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, Hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân cho bà T vay số tiền 50.000.000đồng theo giấy lĩnh tiền ngày 30 tháng 5 năm 2017. Bà T đã nhận đủ số tiền vay nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà T trả khoản nợ còn thiếu là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc và khoản nợ lãi:

Quá trình giải quyết vụ án, bà T không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên, căn cứ lời khai nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp và Tòa án thu thập đã xác định ngày 30 tháng 5 năm 2017, Ngân hàng đã giải ngân cho bà T vay số tiền 50.000.000đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng bà T mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 242 đồng. Như vậy, số tiền nợ gốc bà Vũ Thị T còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng là 48.327473đồng và lãi phát sinh. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà Vũ Thị T phải trả khoản tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi: Tại Điều 2 và Điều 7 của Hợp đồng tín dụng, văn bản xác nhận các bên đã thỏa thuận lãi vay trả 01 tháng/01 lần từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng. Căn cứ vào thỏa thuận trên bà T phải trả số tiền lãi, lãi suất trong hạn được tính quy định trong Hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất được điều chỉnh theo quy định của MHB từng thời kỳ. Trường hợp bên vay không trả nợ đúng hạn, lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn, đối với khoản lãi chậm trả được áp dụng bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm thời hạn trả nợ nên đã phát sinh lãi trong hạn và lãi quá hạn, lãi chậm trả nên yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà T phải trả lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả là có căn cứ.

Tính đến hết ngày 29 tháng 10 năm 2019, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền 110.092.534đồng (trong đó nợ gốc là: 48.327473đồng, nợ lãi phát sinh tính đến hết ngày 29 tháng 10 năm 2019 là 55.318.512đồng; lãi chậm trả 6.446.550đồng). Do vậy, buộc bà Vũ Thị T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên.

Kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2019, bà Vũ Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN1705250062857 ngày 19 tháng 5 năm 2017 (mã số giải ngân Hợp đồng tín dụng số LD1715001336 ngày 30 tháng 5 năm 2017) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP V được Tòa án chấp nhận nên bà Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ vào khoản 14 Điều 4; các điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; căn cứ vào Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Vũ Thị T.

Buộc bà Vũ Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 110.092.534đồng (trong đó nợ gốc là: 48.327473đồng; nợ lãi phát sinh tính đến hết ngày 29 tháng 10 năm 2019 55.318.512đồng; lãi chậm trả 6.446.550đồng).

Kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2019, bà Vũ Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN1705250062857 ngày 19 tháng 5 năm 2017 (mã số giải ngân Hợp đồng tín dụng số LD1715001336 ngày 30 tháng 5 năm 2017) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Bà Vũ Thị T phải nộp số tiền 5.504.626đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 1.730.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương theo Biên lai số 0004194 ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
-Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lợi **Nguyễn Duy Tuân**